

Bản án số: 111/2021/HS-PT

Ngày: 31/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Nguyễn Hải Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Cường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 114/2021/HSPT ngày 19/4/2021 do có kháng cáo của bị cáo Lãng Văn S1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:**

Lãng Văn S1, sinh năm 1971 tại huyện LNG, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn KQ, xã Biền Động, huyện LNG, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 1/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lãng Văn C1 và bà Chu Thị D1; có vợ là Hoàng Thị M1 và có 2 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020 đến ngày 30/7/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; hiện tại bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Từ khoảng cuối năm 2015 đến đầu năm 2020, Lãng Văn S1 và chị Tô Thị H1 có quan hệ tình cảm yêu đương, S1 thường xuyên đến nhà chị H1 ở, hai người chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian chung sống với chị H1, S1 nhiều lần truy cập mạng internet xem các đoạn phim, video quan hệ tình dục nên S1 nảy sinh ý định quay lại các cảnh quan hệ tình dục giữa S1 với chị H1 để thỏa mãn sở thích cá nhân. Trong năm 2019, S1 đã sử dụng chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Samsung J7+ của mình nhiều lần quay lại cảnh S1 quan hệ tình dục với chị H1, cảnh S1 sờ vùng âm hộ của chị H1 trong lúc H1 chỉ mặc quần lót nằm trên giường, cảnh chị H1 chỉ mặc áo lót ngực ngồi khâu áo trên giường. Sau khi quay được những video đó, S1 sử dụng chức năng Bluetooth của điện thoại trên chuyển sang 01 chiếc điện thoại khác nhãn hiệu Samsung A10s để lưu giữ nhằm mục đích thuận tiện cho việc xem lại video.

2. Đầu năm 2020, chị H1 đã chủ động chấm dứt quan hệ tình cảm với S1 nhưng S1 không đồng ý. Trong các ngày 03, 04/5/2020, S1 liên tiếp sử dụng mạng Zalo tên tài khoản “Đi Sớm Về Muộn”, đăng ký số điện thoại +84978603799 của S1 gửi cho tài khoản tên “Tô H1”, đăng ký số điện thoại +84398152854 của chị H1 các video quay lại cảnh S1 quan hệ tình dục với chị H1, video chị H1 chỉ mặc áo con đang ngồi khâu áo, video chị H1 chỉ mặc quần lót đỏ nằm trên giường S1 sờ vào âm hộ của chị H1 và 06 ảnh được S1 chụp lại từ các đoạn video nói trên cùng với những tin nhắn đe dọa sẽ đăng các video trên lên mạng xã hội.

3. Ngày 05/5/2020, S1 sử dụng mạng xã hội Facebook với tên tài khoản “Lăng S1” gửi đến tài khoản tên “Nguyễn C2” của chị Nguyễn Thị C2 (là bạn thân của chị H1) qua ứng dụng Messenger 02 video quay lại cảnh chị H1 nằm trên giường mặc quần lót màu đỏ, áo phông màu đen, S1 sờ vào phần âm hộ của chị H1 (02 video có độ dài lần lượt 00 phút 53 giây và 01 phút 32 giây); gửi đến tài khoản tên “H2 SĐ” cho chị Nông Thị H2 (là bạn thân của chị H1) qua ứng dụng Messenger 01 video chị H1 mặc duy nhất quần lót đỏ nằm trên giường có độ dài 01 phút 32 giây và 01 ảnh chị H1 ngồi trên giường chỉ mặc áo lót ngực màu trắng (không lộ mặt). Sau khi nhận được các video, hình ảnh do S1 gửi đến, chị C2 và chị Hòa đã sử dụng tài khoản cá nhân trên mạng Facebook gửi chuyển tiếp cho chị H1 thông qua ứng dụng Messenger. Cùng ngày, S1 tiếp tục đăng lên tài khoản cá nhân của mạng xã hội Facebook để ở chế độ công khai hình ảnh chị H1 mặc mỗi 01 chiếc áo ngực màu trắng, mặc quần dài màu đen đang ngồi khâu áo (ảnh không lộ mặt) kèm theo nội dung “chị sướng được 5 phút thôi nhưng lại khổ bản thân mình”; sau khi đăng bức ảnh trên được khoảng 60 phút thì S1 đã xóa đi.

4. Khi nhận được các video, hình ảnh do S1 gửi đến và các video, hình ảnh do chị Hòa và chị C2 gửi chuyển tiếp, chị H1 đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện đề nghị S1 xóa hết những video, hình ảnh nhạy cảm mà S1 đã quay, chụp lại nhưng S1 không đồng ý, S1 yêu cầu chị H1 phải đưa cho S1 số tiền 80.000.000 đồng thì S1 mới xóa; do số tiền S1 yêu cầu quá lớn nên chị H1 đề nghị S1 giảm xuống nhưng S1 không chấp nhận. Do bị uy hiếp tinh thần và cảm thấy xấu hổ nên chị H1 đã đồng ý yêu cầu của S1. Buổi trưa ngày 07/5/2020, chị H1 gọi điện thoại cho S1 hẹn đến chiều tối cùng ngày hai người gặp nhau tại nhà nghỉ BM, ở thôn T1, xã CD, huyện SĐ để giao nhận tiền. Sau khi hẹn với S1, chị H1 đã gọi điện trình báo sự việc đến Công an huyện SĐ. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 07/5/2020 chị H1 đi xe mô tô đến nhà nghỉ BM rồi vào thuê phòng nghỉ số 305 để đợi S1. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S1 một mình điều xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ xám đen, biển kiểm soát 98Y1-2423 (Xe S1 mượn của chị H1) đi đến nhà nghỉ BM rồi lên phòng 305 gặp chị H1. Tại đây chị H1 yêu cầu S1 viết bản cam kết với nội dung sau khi nhận tiền sẽ xóa hết các video, hình ảnh nhạy cảm liên quan

đến chị H1; S1 đồng ý viết giấy cam kết và nhận số tiền 80.000.000đ của chị H1. Trong lúc S1 đang đếm tiền thì lực lượng Công an huyện SD vào bắt quả tang, thu giữ tại chỗ: Số tiền 80.000.000đ; 01 bản cam kết bằng giấy A4 có ký tên Lãng Văn S1; thu giữ của S1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7+, vỏ màu đen số IMEI 1: 352.808.092.579.40, số IMEI 2: 352.809.092.579.48, trong điện thoại lắp sim số 0377.669.386 và sim số 0978.603.799; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung, Galaxy A10S, vỏ màu đen, số IMEI 1: 351.579.110.961.396, số IMEI 2: 351.580.110.961.394, lắp sim số 0869.232.949 và một sim có mặt sau màu đen có chữ “Vũ Thang”; ngoài ra còn thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, màu sơn đỏ, xám, đen, biển kiểm soát 98Y1-2423. Cùng ngày 07/5/2020, chị H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1960, màu đỏ, trong điện thoại có 02 sim gồm sim số 0398.152.854 và số 0357.580.212.

5. Ngày 09/5/2020, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của Lãng Văn S1:

- Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A10s, vỏ màu đen, lắp sim số 0869.323.949 và 01 (một) sim có mặt sau màu đen có chữ “Vũ Thang” phát hiện: Bên trong máy ở ứng dụng Bộ sưu tập có 06 (sáu) video quay lại cảnh quan hệ tình dục và cảnh nhạy cảm giữa Lãng Văn S1 và Tô Thị H1, 02 (hai) video ghi lại cuộc nói chuyện giữa S1 và H1.

- Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7+, vỏ màu đen, lắp sim số 0377.669.386 và số 0978.603.799: Bên trong máy các ứng dụng tin nhắn, ảnh, ghi âm, zalo, messenger có nhiều tệp video, nội dung tin nhắn liên quan đến việc S1 gửi hình ảnh, video, tin nhắn cho chị H1, chị C2, chị Hòa. Kiểm tra Zalo của S1 tên là “Đi sớm về muộn”, hình ảnh đại diện là chiếc ô tô tải màu xanh trên thùng có chữ gỗ, có kết bạn với Zalo tên “Tô H1”. Kiểm tra ứng dụng messenger có tài khoản tên “Lãng S1”, hình ảnh đại diện là chiếc ô tô tải màu xanh trên thùng có chữ gỗ, có kết bạn với các tài khoản tên “Tô H1”, “Nguyễn C2”, “H2 SD”. Quá trình kiểm tra Cơ quan điều tra đã sử dụng chức năng tự chụp màn hình của điện thoại để ghi lại hình ảnh rồi kết nối điện thoại với máy tính, sao in các nội dung ra giấy A4 (tổng số 60 tờ) và cho S1 ký xác nhận vào từng tờ. Đồng thời tiến hành sao lại các video ra 01 USB nhãn hiệu Kingston, vỏ bằng nhựa màu đen và niêm phong theo quy định.

6. Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1960, màu đỏ, trong điện thoại có 02 sim gồm sim số 0398.152.854 và số 0357.580.212 do chị H1 giao nộp phát hiện: Bên trong máy tại các ứng dụng tin nhắn, ảnh, ghi âm, zalo, messenger có nhiều tệp hình ảnh, video, tệp ghi âm, nội dung tin nhắn liên quan đến việc S1 dùng hình ảnh, video quay lại cảnh S1 và chị H1 quan hệ tình dục để đe dọa đăng các hình ảnh, video lên trang mạng xã hội nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm và cưỡng đoạt tài sản của chị H1; nội dung tin nhắn, hình ảnh, video do chị C2, chị Hòa chuyển tiếp và nhắn tin cho chị H1 các hình ảnh, video do S1 gửi. Quá trình kiểm tra Cơ quan điều tra đã sử dụng chức năng tự chụp màn hình của điện thoại để ghi lại hình ảnh rồi kết nối điện thoại với máy tính sao in các nội dung ra giấy A4 (tổng số 95 tờ) và cho chị H1 ký xác nhận vào từng tờ. Đồng thời cơ quan điều tra đã tiến

hành sao lại toàn bộ các tệp hình ảnh, video, tệp ghi âm, nội dung tin nhắn nêu trên ra 01 USB nhãn hiệu Kingston, vỏ bằng nhựa màu đen và niêm phong theo quy định.

7. Ngày 12/8/2020, chị Nguyễn Thị C2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện SD01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 862.646.039.843.450, số IMEI2: 862.646.039.843.443, không lắp sim. Tiến hành kiểm tra điện thoại của chị C2 phát hiện: Bên trong ứng dụng Messenger của điện thoại có cuộc trò chuyện giữa chị C2 với Lãng Văn S1 với nội dung liên quan đến việc S1 gửi cho chị C2 02 video quay lại cảnh H1 nằm trên giường mặc quần lót màu đỏ, áo phông màu đen, S1 sờ vào phần âm hộ của chị H1; cuộc nói chuyện qua ứng dụng Messenger giữa chị C2 và Tô Thị H1. Quá trình kiểm tra Cơ quan điều tra đã sử dụng chức năng tự chụp màn hình của điện thoại để ghi lại hình ảnh rồi kết nối điện thoại với máy tính sao in các nội dung ra giấy A4 (tổng số 58 tờ) và cho chị C2 ký xác nhận vào từng tờ. Sau khi kiểm tra cơ quan điều tra Công an huyện SD đã tiến hành sao lại 02 video ra 01 USB nhãn hiệu Toshiba, vỏ bằng nhôm màu bạc và niêm phong theo quy định.

8. Ngày 21/8/2020, Cơ quan điều tra tiến hành ghi âm giọng nói của Lãng Văn S1 và chị Tô Thị H1 để phục vụ công tác giám định, sau khi ghi âm đã tiến hành sao sang 01 USB nhãn hiệu Toshiba, vỏ bằng kim loại màu bạc và niêm phong theo quy định để tiến hành giám định.

9. Ngày 24/8/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu giám định các tệp video, ghi âm, hình ảnh có liên quan trong các USB đã sao; các tệp video, ghi âm, hình ảnh từ 02 chiếc điện thoại thu giữ của S1, 01 chiếc điện thoại thu giữ của chị H1, 01 chiếc điện thoại chị C2 giao nộp.

Tại kết luận giám định số 5752/C09-P6, ngày 31/12/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt, ghép, C2 sửa nội dung file âm thanh và file video trong mẫu cần giám định.
- Tiếng nói của người đàn ông tự xưng “anh” và “tao” trong các file mẫu cần giám định và tiếng nói của Lãng Văn S1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.
- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng “em” trong các file mẫu cần giám định và tiếng nói của Tô Thị H1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.
- Thời gian khởi tạo của các file mẫu cần giám định thể hiện trong Bản kết luận giám định.
- Đã chuyển nội dung tiếng nói trong file mẫu cần giám định thành văn bản (thể hiện trong Bản kết luận giám định).
- Không giám định cắt ghép, C2 sửa nội dung trong các file hình ảnh được sao chép từ điện thoại trong các file hình ảnh (được sao chép từ điện thoại của Nguyễn Thị C2) lưu trữ trong USB mẫu cần giám định.

10. Trong thời gian có quan hệ tình cảm với chị H1, khoảng tháng 5/2019 S1 mượn của chị H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, xám, đen, biển

kiểm soát 98Y1-2423 để đi lại, thời điểm mượn do tình cảm hai bên còn tốt nên chị H1 và S1 không thỏa thuận thời hạn trả xe. Sau khi chấm dứt tình cảm với S1 (cuối tháng 4/2020), chị H1 nhiều lần yêu cầu S1 trả xe mô tô nhưng S1 không trả mà còn thách thức chị H1 đi báo Công an, S1 cho rằng trong thời gian chung sống đã chu cấp nhiều tiền cho H1 nên chiếc xe mô tô này thuộc quyền sở hữu của S1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện SĐ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, xám, đen, biển kiểm soát 98Y1-2423, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn).

11. Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-SĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ truy tố bị cáo Lăng Văn S1 về các tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175, “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự.

Với nội dung vụ án như trên, bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

1- Tuyên bố bị cáo Lăng Văn S1 phạm các tội: “Làm nhục người khác”, “Cưỡng đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 2 Điều 170, điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lăng Văn S1 09 (Chín) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, 01 (Một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lăng Văn S1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án (hoặc kể từ ngày bắt thi hành án); được khấu trừ 02 tháng 24 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/5/2020 đến ngày 30/7/2020).

Ngoài ra bản án còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2021 bị cáo Lăng Văn S1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 31/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang đã kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm quyết định miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lăng Văn S1.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo S1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Án sơ thẩm xử nặng, bị hại Tô Thị H1 đã nhận đủ số tiền 14.900.000đ do bị cáo bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là người dân tộc Nùng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sống ở vùng kinh

tế đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện SD, tỉnh Bắc Giang, cho rằng việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm quyết định buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền là 945.000đ đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị cáo, chưa đúng với chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, không phù hợp với các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vì bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sống ở thôn KQ, xã BD, huyện LNG, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng nghị theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lăng Văn S1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lăng Văn S1 xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S1 từ 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, từ 03 năm đến 03 năm 02 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lăng Văn S1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là từ 03 năm 9 tháng tù đến 04 năm 03 tháng tù.

Bị cáo S1 đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát, không có ý kiến bổ sung gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo S1: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và Quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của bị cáo Lăng Văn S1 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân huyện SD, tỉnh Bắc Giang được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là Quyết định kháng nghị hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy đủ cơ sở xác định:

[2.1] Trong thời gian bị cáo Lăng Văn S1 và chị Tô Thị H1 có quan hệ như vợ chồng, bị cáo đã dùng điện thoại di động quay lại cảnh hai người quan hệ tình dục với nhau và những cảnh nhạy cảm khác về chị H1. Sau khi chị H1 kiên quyết chấm dứt mối quan hệ tình cảm với bị cáo thì bị cáo đã sử dụng các video, hình ảnh nhạy cảm giữa bị cáo và chị H1 mà bị cáo đã quay lại gửi cho chị H1 thông qua mạng xã hội Zalo; gửi cho hai người bạn thân của chị H1 là Nguyễn Thị C2 và

Nông Thị H2 thông qua ứng dụng Messenger và đăng công khai trên trang cá nhân của mạng xã hội Facebook, làm cho chị H1 xấu hổ với nhiều người. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của chị H1, đủ yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác” với tình tiết định khung sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội theo điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Sau khi bị cáo Lăng Văn S1 gửi các video, hình ảnh nhạy cảm cho chị Tô Thị H1, chị Nguyễn Thị C2, chị Nông Thị H2 và đăng công khai trên trang cá nhân của mạng xã hội Facebook; chị H1 đã nhiều lần yêu cầu bị cáo xóa hết những video, hình ảnh nhạy cảm đó nhưng bị cáo không xóa; bị cáo yêu cầu chị H1 phải đưa cho bị cáo số tiền 80.000.000 đồng thì bị cáo mới xóa, nếu không đưa đủ số tiền trên thì bị cáo tiếp tục gửi những video, hình ảnh nhạy cảm đó cho những người thân của chị H1 và đăng trên mạng xã hội, làm cho chị H1 lo sợ và buộc phải chấp nhận yêu cầu của bị cáo. Với thủ đoạn đó, bị cáo đã uy hiếp tinh thần và chiếm đoạt được số tiền 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng chẵn) của chị H1. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị H1, đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” với tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Trong thời gian bị cáo Lăng Văn S1 và chị Tô Thị H1 có quan hệ như vợ chồng, bị cáo sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, xám, đen, biển kiểm soát 98Y1-2423 là tài sản riêng của chị H1 để bị cáo làm phương tiện đi lại; mặc dù không lập thành văn bản nhưng chị H1 xác định cho bị cáo mượn xe mô tô trên là có cơ sở; đến khi chấm dứt quan hệ tình cảm chị H1 đã nhiều lần yêu cầu bị cáo trả xe mô tô nhưng bị cáo tuyên bố không trả, thách thức chị H1 đi tố cáo. Như vậy, bị cáo nhận được xe mô tô trên của chị H1 thông qua hình thức mượn, mặc dù bị cáo đang quản lý, sử dụng xe mô tô là có điều kiện trả lại cho chị H1 nhưng cố tình không trả để chiếm đoạt, xe mô tô bị cáo chiếm đoạt trị giá 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của chị H1, đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Lăng Văn S1 về các tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170, tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 và tội “Làm nhục người khác” theo điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lăng Văn S1 thì thấy:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, trong cùng một khoảng thời gian phạm nhiều tội đối với một người; các hành vi phạm tội đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, quyền sở hữu tài sản của chị Tô Thị H1, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; chứng tỏ bị cáo rất coi thường kỷ cương pháp luật. Do vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường cho chị Tô Thị H1 do xâm phạm danh dự, nhân phẩm số tiền là 14.900.000đ và người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Tòa án cấp phúc thẩm cần áp dụng cho bị cáo S1.

Án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của các hành vi phạm tội, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo S1 09 tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, 04 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo S1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 3 tội là 06 năm 03 tháng tù và buộc phải cách ly khỏi xã hội là có căn cứ phù hợp pháp luật, vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và tính phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, HĐXX xét thấy có căn cứ và cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo S1, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo ở cả 03 tội để xử bị cáo khởi điểm mức hình phạt là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng nghị thấy:

Bị cáo Lăng Văn S1 là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sống ở thôn KQ, xã BD, huyện LNG, tỉnh Bắc Giang là thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II theo quy định tại các quyết định: Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành...Do

đó, bị cáo Lãng Văn S1 thuộc đối tượng được hưởng các chế độ ưu đãi thuộc chính sách an sinh xã hội của Nhà nước nói chung và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang về phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, theo hướng miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lãng Văn S1.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lãng Văn S1. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt và về phần án phí.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 2 Điều 170, điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lãng Văn S1 03(ba) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, 03 (Ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Lãng Văn S1** phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là **03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ những ngày đã tạm giữ, tạm giam vào thời gian thi hành án (từ ngày 07/5/2020 đến ngày 30/7/2020).

[2]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Lãng Văn S1.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS huyện SD;
- CQCSĐT- Công an huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Dung